

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HSST

Ngày 28 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Sơn

2. Bà Đoàn Thị D

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2020/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST- HS ngày 16/4/2020 đối với bị cáo:

Bùi Thị D, sinh ngày 08/4/1988 tại xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn Quang Minh, xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Xuân X và bà Đặng Thị T; có chồng là Đỗ Thế Đ hiện đã ly thân và không sinh sống tại địa phương; có 01 con sinh năm 2011. Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 191/2015/HSST ngày 06/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 05 năm tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/4/2019, chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/01/2020 đến ngày 23/01/2020 chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt;

*** Bị hại:**

- Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1968, vắng mặt
Nơi cư trú: số nhà 32, ngõ 118, tổ 21, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.
- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1974, vắng mặt
Nơi cư trú: thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình
- * Người làm chứng:
 - Anh Vũ Hữu P, sinh năm 1975, vắng mặt
Nơi cư trú: khu C, thị trấn T, huyện K, tỉnh Thái Bình.
 - Ông Vũ Văn L, sinh năm 1965, vắng mặt
Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình
 - Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972, vắng mặt
Nơi cư trú: thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình
 - Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1979, vắng mặt
Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 17/01/2020, Bùi Thị D đi bộ từ nhà ra đường trục chính xã Vũ Tây và đi nhờ xe máy của người đi đường lên thành phố Thái Bình với mục đích trộm cắp xe máy để có tiền ăn tiêu. Khoảng 15 giờ, bị cáo D đi bộ đến khu vực cổng Trường THCS Minh Thành, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, bị cáo phát hiện có xe mô tô hiệu VECSTAR màu xanh, biển kiểm soát 17H4 - 6367 của ông K dựng trước cửa nhà không có người trông coi, bị cáo dùng chìa khóa mang theo từ trước, mở khóa và điều khiển xe đi đến đường vành đai thuộc xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình thì dừng lại. Bị cáo để chiếc ví đựng ma túy vào cốp xe và tiếp tục điều khiển xe về huyện Kiến Xương để tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến khu Cộng Hòa, thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, bị cáo nhìn thấy chiếc xe mô tô hiệu DETECH màu đỏ, chìa khóa xe cắm ở ổ khóa điện, biển kiểm soát 90F7 - 3938 của anh K để ở vỉa hè trước cửa nhà anh P, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo đi vào khu đô thị Tân Tiến, thị trấn Thanh Nê để xe mô tô 17H4 - 6367 ở gần khu vui chơi rồi đi bộ đến cửa nhà anh P, bị cáo thấy không có người nên lấy xe và điều khiển xe chạy về hướng khu đô thị Tân Tiến. Lúc này anh K nhìn thấy nên mượn xe mô tô của anh P đuổi theo bị cáo qua khu đô thị Tân Tiến đến xã Bình Minh rồi chạy tiếp ra đường 458 về hướng thành phố Thái Bình. Khi đến địa phận thôn Nam Tiên, xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, anh K thấy ông L, anh Đ và anh V đang đi tuần tra nên hô “Trộm”. Tổ công tác cùng anh K truy đuổi bị cáo đến đoạn đường trước cửa

chùa Hải Lâm thuộc thôn Trung Hòa xã Hòa Bình, tổ công tác đã bắt được bị cáo cùng chiếc xe đã trộm cắp của anh K. Lúc này anh K đi đến và xác nhận xe của mình bị mất. Tổ công tác đã đưa bị cáo D cùng chiếc xe về trụ sở UBND xã Hòa Bình lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Căn cứ lời khai của bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tại khu đô thị Tân Tiến, thị trấn Thanh Nê chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17H4 - 6367, trong cốp xe có 01 chiếc ví da màu nâu, trong ví có 01 gói bên ngoài gói bằng giấy tráng kim màu trắng và 2.870.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL - HĐĐG ngày 20/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kiến Xương kết luận: chiếc xe mô tô hiệu DETECH màu đỏ, biển kiểm soát 90F7 - 3938, tại thời điểm định giá có trị giá 2.100.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 03/KL - HĐĐG ngày 07/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình Kiến Xương kết luận: chiếc xe mô tô hiệu VECSTAR màu xanh, biển kiểm soát 17H4 - 6367, tại thời điểm định giá có trị giá 1.030.000 đồng.

Kết luận giám định số 34/KLGD-PC09 ngày 18/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0.0155 gam.

Kết luận giám định số 35/KLGD-PC09 ngày 18/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: mẫu vật gửi giám định có chứa sản phẩm chuyển hóa của ma túy, loại Heroine.

Kết luận giám định số 16/KLGD-PC09 ngày 18/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: xe mô tô hiệu VECSTAR màu xanh, biển kiểm soát 17H4 - 6367 và xe mô tô hiệu DETECH màu đỏ, biển kiểm soát 90F7 - 3938 đều có số khung, số máy không bị tẩy xóa, sửa chữa, đục lại.

Vật chứng của vụ án:

- Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương đã trả lại cho ông K xe mô tô hiệu VECSTAR màu xanh, biển kiểm soát 17H4 - 6367 và anh K xe mô tô hiệu DETECH màu đỏ, biển kiểm soát 90F7 - 3938.

- 0,0155 gam Heroine đựng trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 34/KLGD và 01 ví da nữ màu nâu kích thước 10 x 20cm, trên nắp có khuy, cúc bấm có dòng chữ YUUMY chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương quản lý theo quy định pháp luật.

- Số tiền 2.876.000 đồng đang được quản lý tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương theo ủy nhiệm chi ngày 31/3/2020 của Công an huyện Kiến Xương.

- 01 chiếc chìa khóa bị cáo dùng để mở khóa xe mô tô của ông K, bị cáo khai đã bị rơi trong quá trình điều khiển xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Kiến Xương đã truy tìm nhưng không thấy.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông K và anh K đã nhận lại xe mô tô của mình bị mất và không ai có yêu cầu gì khác.

- Tại bản Cáo trạng số 17/CT -VKSKX ngày 27/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Bùi Thị D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Thị D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo D mức án từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo D.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết vì bị hại đã nhận lại tài sản; không có ý kiến yêu cầu bồi thường thêm.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương đã trả lại chiếc xe mô tô hiệu VECSTAR màu xanh, biển kiểm soát 17H4 - 6367 và xe mô tô hiệu DETECH màu đỏ, biển kiểm soát 90F7 - 3938 cho các chủ sở hữu là ông K và anh K là có căn cứ, đúng pháp luật.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của bị cáo.

01 ví giả da màu nâu kích thước 11 x 20cm, do không còn giá trị sử dụng và bị cáo không đề nghị nhận lại, vì vậy cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Số tiền 2.870.000 đồng thu giữ của bị cáo D, không liên quan đến hành vi phạm tội vì vậy cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo D không tranh luận gì và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với đơn trình báo và lời khai của các bị hại, biên bản xác định vị trí địa điểm, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Vì vậy có đủ căn cứ xác định: Khoảng 15 giờ ngày 17/01/2020, tại trước cửa nhà 32, ngõ 118, tổ 21, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, bị cáo D đã trộm cắp 01 xe mô tô hiệu VECSTAR màu xanh, biển kiểm soát 17H4 - 6367 trị giá 1.030.000 đồng của ông Nguyễn Đăng K. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, tại trước cửa nhà anh Vũ Hữu P thuộc khu Cộng Hòa, thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, bị cáo D tiếp tục trộm cắp 01 xe mô tô hiệu hiệu DETECH màu đỏ, biển kiểm soát 90F7 - 3938 trị giá 2.100.000 đồng của anh Nguyễn Văn K. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 3.130.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng, trật tự pháp luật, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vì lười lao động mà vẫn muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản của nhiều người. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt xử phạt tương ứng với tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung. Bị cáo

D đã bị kết án 05 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích mà còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 1.030.000 đồng là tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và cùng ngày bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 2.100.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:

Bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xét đến trong quá trình truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo và đầu thú - là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, gia đình thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng

Xét thấy, Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương đã trả lại cho bị hại là ông K và anh K các tài sản bị trộm cắp, bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu

cầu bị cáo phải bồi thường nên Tòa án không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo với bị hại.

Về vật chứng của vụ án: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, số ma túy thu của bị cáo là vật Nhà nước cấm lưu hành, cấm tàng trữ; 01 ví giả da màu nâu kích thước 11 x 20cm thu giữ của bị cáo D, do không còn giá trị sử dụng và bị cáo không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 2.870.000 đồng thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội vì vậy cần trả lại cho bị cáo D theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Đối với hành vi tàng trữ trái phép 0,0155 gam Heroine và hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo thì thấy: bị cáo không có tiền án, tiền sự về các hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển, tổ chức sử dụng chất và tiền chất ma túy, khối lượng Heroine dưới 0,1 gam nên không đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", Công an huyện Kiến Xương đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 là phù hợp.

[9] Về nguồn gốc số ma túy thu giữ của bị cáo khai mua của một người đàn ông không quen biết ở cây xăng Chương Thọ xã Vũ Lạc thành phố Thái Bình do không xác định được người bán nên không có căn cứ để xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo Bùi Thị D thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Bùi Thị D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Thị D 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 17/01/2020;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Bùi Thị D.

3. Xử lý vật chứng:

Áp Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương trả lại xe mô tô hiệu VECSTAR màu xanh, biển kiểm soát 17H4 - 6367 cho ông Nguyễn Đăng K và xe mô tô hiệu DETECH màu đỏ, biển kiểm soát 90F7 - 3938 cho anh Nguyễn Văn K.

- Tịch thu toàn bộ số Heroine thu của bị cáo được hoàn trả sau giám định đựng trong phong bì niêm phong số 34/KLGĐ của Phòng KTHS Công an tỉnh Thái Bình và 01 ví da màu nâu, kích thước 10x20cm, trên nắp có khuy, cúc bấm có dòng chữ YUUMY để tiêu hủy.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Thị D số tiền 2.870.000 đồng. Số tiền này đang được quản lý tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương theo ủy nhiệm chi ngày 31/3/2020 của Công an huyện Kiến Xương

4. Án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Bùi Thị D được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo - Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/4/2020; bị hại vắng mặt tại phiên tòa - Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- VKSND, CA huyện KX;
- Trại tạm giam - CATB;
- Chi cục THA h. Kiến Xương
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Xuân

- *Hội thẩm nhân dân:*
+ Ông Nguyễn Đức Bường - Phó giám đốc Trung tâm văn hóa huyện Kiến Xương.

+ Bà Đoàn Thị D - Thường trực Hội luật gia huyện Kiến Xương.

Căn cứ vào Điều 199 và 222 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vào hồi 10 giờ 40 phút ngày 12 tháng 5 năm 2017, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: Lương Văn Đạt bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. **Về tội danh:**

- Tuyên bố: Lương Văn Đạt phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. **Về điều luật áp dụng:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. **Về mức hình phạt:**

- Xử phạt bị cáo Lương Văn Đạt 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ bắt đi thi hành án.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. **Về các vấn đề khác:**

4.1 - Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Đạt 460.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

4.2- Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Lương Văn Đạt phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4.3 - Về quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4.5 - Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản lập xong. Hội đồng xét xử đã thống nhất thông qua và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

